**LỊCH BÁO GIẢNG TUẦN 27**

**(*Từ ngày 20/03/2023 đến ngày 24/03/2023)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ** | **Tiết** | **Buổi** | **Môn** | **Tên bài dạy** |
| **Hai**  **(20/03)** | **1** | Sáng | Chào cờ | Chào cờ |
| **2** | Tập đọc | Tranh làng Hồ |
| **3** | Toán | Luyện tập |
| **4** | Chính tả | Nhớ - viết: Cửa sông |
| **1** | Chiều |  |  |
| **2** |  |  |
| **3** |  |  |
| **Ba**  **(21/03)** | **1** | Sáng | Toán | Quãng đường |
| **2** | LTVC | MRVT: Truyền thống |
| **3** | KC | Kể chuyện được chứng kiến hoặc tham gia |
| **4** | Lịch sử | Lễ kí hiệp định Pa – ri |
| **1** | Chiều | Khoa học | Sự sinh sản của động vật |
| **2** | HĐTT | Chủ điểm: Yêu quý mẹ và cô giao |
| **3** | TLV | Ôn tập về tả cây cối |
| **Tư**  **(22/03)** | **1** | Sáng | Tập đọc | Đất nước |
| **2** | Toán | Luyện tập |
| **3** |  |  |
| **4** |  |  |
| **Năm**  **(23/03)** | **1** | Sáng | Toán | Thời gian |
| **2** | LTVC | Liên kết các câu trong bài bằng từ ngữ nối |
| **3** | Địa lý | Châu Mĩ |
| **4** | Khoa học | Sự sinh sản của côn trùng |
| **1** | Chiều |  |  |
| **2** | TLV | Tả cây cối (Kiểm tra viết) |
| **3** | Kĩ thuật | Lắp máy bay trực thăng (Tiết 1) |
| **Sáu**  **(24/03)** | **1** | Sáng |  |  |
| **2** |  |  |
| **3** |  |  |
| **4** |  |  |
| **1** | Chiều | HĐTT | Sinh hoạt lớp |
| **2** | Đạo đức | Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên |
| **3** | Toán | Luyện tập |

###### Thứ hai ngày 20 tháng 03 năm 2023

###### Tập đọc:

###### TRANH LÀNG HỒ

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

-Hiểu ý nghĩa: Ca ngợi và biết ơn những nghệ sĩ làng Hồ đã sáng tạo ra những bức tranh dân gian độc đáo (Trả lời được các câu hỏi 1,2,3).

- Biết đọc diễn cảm bài văn với giọng ca ngợi, tự hào.

- HSNK trả lời câu hỏi 4.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục học sinh biết quý trọng và gìn giữ những nét đẹp cổ truyền của văn hoá dân tộc.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ (HĐ 1, HĐ 2, LĐ diễn cảm).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Tranh minh hoạ bài đọc, bảng phụ ghi phần luyện đọc

- HS: Sách giáo khoa

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Bắn tên"đọc đoạn 1 bài ***Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân*** và trả lời câu hỏi về nội dung của bài tập đọc đó.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động khám phá: (28 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Đọc văn bản (14’)  - Gọi HS đọc toàn bài, cả lớp đọc thầm chia đoạn  - Cho HS luyện đọc đoạn trong nhóm lần 1, tìm từ khó.Sau đó báo cáo kết quả.  - Cho HS luyện đọc đoạn trong nhóm lần 2, tìm câu khó.GV tổ chức cho HS đọc câu khó.  - GV cho HS đọc chú giải  - HS đọc theo cặp  - GV đọc diễn cảm toàn bài  **Hoạt động 2:** Tìm hiểu bài (14’)  Câu 1: Hãy kể tên một số bức tranh làng Hồ lấy đề tài trong cuộc sống hằng ngày của làng quê Việt Nam .  Câu 2: Kĩ thuật tạo màu của tranh làng Hồ có gì đặc biệt ?  Câu 3: Tìm những từ ngữ ở 2 đoạn cuối thể hiện sự đánh giá của tác giả đối với tranh làng Hồ .  Câu 4: **HS năng khiếu**  Vì sao tác giả biết ơn những người nghệ sĩ dân gian làng Hồ ?  \* Nêu ý nghĩa | - 1 HS đọc to, lớp theo dõi, chia đoạn:  + Đ1: Ngày còn ít tuổi ... và tư­ơi vui.  + Đ2: Phải yêu mến ... gà mái mẹ.  + Đ3: Kĩ thuật tranh ... hết bài.  - 3 HS nối tiếp nhau đọc bài lần 1, kết hợp luyện đọc từ khó.  - 3 HS nối tiếp nhau đọc bài lần 2, kết hợp giải nghĩa từ, luyện đọc câu khó.  - HS đọc chú giải  - HS đọc theo cặp  - HS theo dõi  - Tranh vẽ lợn; gà; chuột; ếch; cây dừa; tranh tố nữ.  - Rất đặc biệt: Màu đen không pha bằng thuốc mà luyện bằng bột than của rơm bếp, cói chiếu, lá tre mùa thu. Màu trắng điệp làm bằng bột vỏ sò trộn với hồ nếp, nhấp nhánh muôn ngàn hạt phấn.  - Tranh lợn ráy có những khoáy âm dương: rất có duyên………màu trắng điệp: là một sự sáng tạo góp phần vào kho tàng màu sắc của dân tộc trong hội hoạ  -Vì những nghệ sĩ dân gian làng Hồ đã vẽ những bức tranh rất đẹp, rất sinh động, lành mạnh, hóm hỉnh và vui tươi .  \* Ca ngợi và biết ơn những nghệ sĩ làng Hồ đã sáng tạo ra những bức tranh dân gian độc đáo . |
| **3. Hoạt động luyện tập: LĐ diễn cảm ( 5 phút)** | |
| - HD đọc diễn cảm: Đoạn 1  - Tổ chức thi đọc diễn cảm  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút)**  - Gọi HS nhắc lại nội dung bài văn.  - Qua tìm hiểu bài học hôm nay em có suy nghĩ gì?  - Dặn HS về nhà sưu tầm tìm hiểu các bức tranh làng Hồ mà em thích.  - Nhận xét tiết học | - Luyện đọc diễn cảm cá nhân  - Đọc diễn cảm nhóm 2  - Tham gia thi đọc diễn cảm  - HS nhắc lại  - HS trả lời  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán:**

**LUYỆN TẬP**

**I- YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết tính vận tốc của chuyển động đều.

- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3.

- Rèn kĩ năng tính vận tốc theo các đơn vị đo khác nhau.

- HS năng khiếu làm BT4.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục học sinh tính cẩn thận, gọn gàng, khoa học. Yêu thích học toán.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán ( Bài 1,2,3).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng phụ, Bảng nhóm

- HS: Vở, SGK **.**

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi"Truyền điện" nêu quy tắc và công thức tính vận tốc.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành: (30 phút)** | |
| **Bài 1: HĐ cặp đôi**  - GV gọi HS đọc đề toán, thảo luận cặp đôi:  + Để tính vận tốc của con đà điểu chúng ta làm như thế nào?  - GV yêu cầu HS làm bài  - GV nhận xét HS  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK, chia sẻ yêu cầu bài toán:  + Bài tập yêu cầu chúng ta làm gì?  - Cho 1 HS làm vở  - GV nhận xét HS  **Bài 3: HĐ cá nhân**  - Yêu HS đọc đề bài toán  - Cho HS lên bảng làm, chia sẻ kết quả  - GV cùng HS nhận xét bài làm trên bảng.  - Chốt lời giải đúng.  **Bài 4: Dành cho HSNK** | - HS đọc to đề bài cho cả lớp cùng nghe  - HS thảo luận cặp đôi  + Ta lấy quãng đường nó có thể chạy chia cho thời gian cần để đà điểu chạy hết quãng đường đó.  -HS làm bài, 1 HS đại diện lên bảng chữa bài, chia sẻ kết quả  - Lớp theo dõi, nhận xét.  Bài giải  Vận tốc chạy của đà điểu là:  5250 : 5 = 1050 (m/phút)  Đáp số: 1050 m/phút  - 1 HS đọc đề bài, chia sẻ yêu cầu bài toán  + Bài tập cho quãng đường và thời gian, yêu cầu chúng ta tìm vận tốc.  - HS làm vở, chia sẻ kết quả   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | S | 130km | 147km | 210m | | T | 4 giờ | 3 giờ | 6 giây | | V | 32,5km/ giờ | 49km/giờ | 35m/giây |   - HS đọc đề bài toán trước lớp, HS cả lớp đọc thầm đề bài trong SGK.  - HS chữa bài, chia sẻ kết quả  Bài giải  Quãng đường người đó đi bằng ô tô là:  25 – 5 = 20 (km)  Thời gian người đó đi bằng ô tô là: 0,5 giờ  Vận tốc của ô tô là:  20 : 0,5 = 40 (km/giờ)  Đáp số: 40km/giờ |
| **3. Hoạt động vận dụng: (3 phút)** | |
| - Cho HS giải bài toán sau: Một người đi xe đạp trên quãng đường dài 25km hết 1 giờ 40 phút. Tính vận tốc của người đó?  - Muốn tính vận tốc ta làm như thế nào?  - Nhận xét tiết học | - HS nghe và thực hiện  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Chính tả:**

**Nhớ - viết:** **CỬA SÔNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- GV cho HS chép 2 khổ thơ cuối của bài Cửa sông.

- Biết vừa nghe vừa bước đầu ghi những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác: HS nghe GV bình giảng về khổ cuối và ghi chép lại 1 số ý quan trọng về đoạn thơ vừa chép:

+ Trong khổ thơ cuối, nhà thơ đã sử dụng biện pháp nhân hóa. Sông dù có chảy ra biển, hòa nhập vào biển cả nhưng mãi không quên cội nguồn. Chiếc lá trôi xuống cửa sông vẫn nhớ vùng núi non xưa cũ.// Khổ thơ thể hiện tấm lòng thủy chung, ân nghĩa của cửa sông.// Bài thơ ngợi ca, nhắc nhở về tình cảm thiêng liêng của con người đối với cội nguồn của mình.

- Tìm được các tên riêng trong 2 đoạn trích trong SGK, củng cố, khắc sâu quy tắc viết hoa tên ng­ười, tên địa lí nước ngoài (BT2).

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục HS ý thức rèn chữ, giữ vở, trung thực.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ (HĐ 1, HĐ 2, BT 2).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Ảnh minh hoạ trong SGK, bảng nhóm.

- HS: Vở viết.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3 phút)** | |
| - Cho HS chia thành 2 đội chơi thi viết tên ngư­ời, tên địa lí n­ước ngoài.  VD : Ơ-gien Pô-chi-ê, Pi– e Đơ-gây–tơ, Chi–ca–gô.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS theo dõi  - HS mở vở |
| **2.Hoạt động khám phá: (25 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** HD viết chính tả  - Cho HS đọc 2 khổ thơ cuối của bài Cửa sông  + Nội dung của 2 khổ thơ cuối nói lên điều gì ?  - HD HS viết từ khó.  - Nhắc lại qui tắc cách viết hoa tên địa lí, cách trình bày bài chính tả theo khổ thơ mỗi dòng 6 chữ  - HD cách trình bày 2 khổ thơ  **Hoạt động 2:** HĐ viết bài chính tả  - GV đọc mẫu lần 1.  - GV đọc lần 2 (đọc chậm)  - GV đọc lần 3.  **Hoạt động 3:** Chấm bài, nhận xét  - GV chấm 7-10 bài.  - Nhận xét bài viết của HS.  *\* HS nghe GV bình giảng về khổ cuối và ghi chép lại 1 số ý quan trọng về đoạn thơ vừa chép.* | - 2 HS đọc  + Tấm lòng của cửa sông đối với biển.  - Cả lớp viết bảng con : cội nguồn , trôi xuống , núi non , …  - 2 HS nhắc lại  - HS theo dõi.  - HS viết theo lời đọc của GV.  - HS soát lỗi chính tả.  - Thu bài chấm  - HS nghe  - HS nghe GV giảng rồi ghi lại |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành: (8 phút)** | |
| **Bài tập 2: HĐ cá nhân**  - Cho HS đọc đề .  - Cho HS làm bài .  - GV nhận xét và chốt lại kết quả đúng .  **\*Củng cố, dặn dò (2 phút)**  - Nhắc nhở học sinh mắc lỗi chính tả về nhà viết lại các từ đã viết sai  - Dặn HS ghi nhớ qui tắc viết hoa tên riêng người, tên địa lí nước ngoài.  - Nhận xét tiết học. | - Đọc đề , nêu yêu cầu .  - Nêu những tên riêng có trong bài.  - Những tên riêng : (châu) Mĩ , Cri- xtô - phô- rô Cô-lôm-bô, I- ta- li- a , Ấn Độ , A- mê - ri- gô Ve- xpu -xi , Cô - lôm - bô , Lo- ren , A - mê - ri- ca , Hi - ma - lay - a ; Ét - mân Hin - la - ri , Ten - sinh No - rơ - gay ; Ê-vơ-rét; …  + Nêu cách viết hoa tên riêng  - HS nghe và thực hiện  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

#### .....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ ba ngày 21 tháng 03 năm 2023**

**Toán:**

**QUÃNG Đ­ƯỜNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết tính quãng đường đi được của một chuyển động đều.

- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2.

- HS vận dụng kiến thức vào làm các bài tập theo yêu cầu.

- HS năng khiếu làm BT3.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

-Cẩn thận, tỉ mỉ khi làm bài.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán (Bài 1,2).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC** **CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Bắn tên" tính vận tốc khi biết quãng đường và thời gian(Trường hợp đơn giản)  - Ví dụ: s = 70km; t = 2 giờ  s = 40km, t = 4 giờ  s = 30km; t = 6 giờ  - GV nhận xét trò chơi  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (15 phút)** | |
| ***\* Hướng dẫn tìm công thức tính quãng đường.***  *a) Bài toán 1:*  **- GV cho HS đọc đề bài toán SGK, nêu yêu cầu của bài toán.**  + Nêu cách tính quãng đường đi của ô tô.  - GV cho HS viết công thức tính quãng đường  - GV cho HS nêu:  *b) Bài toán 2:*  - Yêu cầu HS đọc đề và làm bài  - Cho HS vận dụng tính.  - GV theo dõi HS làm bài.  - GV cho cả lớp nhận xét. | - HS đọc đề, nêu yêu cầu đề toán.  + Lấy vận tốc nhân với thời gian.  - HS tính.  ***Quãng đường ô tô đi được:***  *42,5 x 4 = 170(km)*  - Viết công thức: s = v x t  ***Để tính được quãng đường ô tô đi được, ta lấy vận tốc nhân với thời gian ô tô đi.***  - HS đọc đề, làm bài.  - Trình bày.  *2giờ 30phút=2,5giờ*  *Quãng đường người đó đi được là:*  *12 x 2,5 = 30 (km)*  Đáp số : 30 km |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành: (15 phút)** | |
| **Bài 1: HĐ cá nhân**  - Cho HS đọc yêu cầu của bài  - HS tự làm vào vở  - GV kết luận  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Yêu cầu HS đọc đề.  - Yêu cầu HS làm bài  - HS nhận xét bài làm của bạn  - GV nhận xét, chốt lời giải đúng.  **Bài 3: Dành cho HSNK** | - 1 HS đọc đề bài.  - HS làm bài vào vở, 1 HS lên bảng làm, chia sẻ cách làm.  Bài giải  Quãng đường đi được của ca nô là:  15,2 x 3 = 45,6 (km)  Đáp số: 45,6 km  - HS đọc.  - HS làm vào vở, 1 HS làm bài bảng lớp, chia sẻ cách làm  Bài giải  15 phút = 0,25 giờ  Quãng đường đi được của người đó là:  12,6 x 0,25 = 3,15 (km)  Đáp số: 3,15 km |
| **4. Hoạt động vận dụng: (3 phút)** | |
| - Cho HS vận dụng kiến thức làm bài sau: Một người đi bộ với vận tốc 5km/ giờ. Tính quãng đường người đó đi được trong 6 phút.  - Muốn tính quãng đường ta làm như thế nào?  - Nhận xét tiết học | - HS giải  - HS nêu |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

#### **Luyện từ và câu:**

#### **MỞ RỘNG VỐN TỪ : TRUYỀN THỐNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Mở rộng, hệ thống hoá vốn từ về Truyền thống trong những câu tục ngữ, ca dao quen thuộc theo yêu cầu của BT1.

***-***Biết vừa nghe vừa bước đầu ghi những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác ( BT 1 ): HS nghe GV nêu nghĩa1 câu tục ngữ và ghi lại ý nghĩa câu tục ngữ.

- Điền đúng tiếng vào ô trống từ gợi ý của những câu ca dao, tục ngữ (BT2).

- HS năng khiếu thuộc một số câu tục ngữ, ca dao trong BT1, BT2.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc cho HS.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ (BT 1,2).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Sách giáo khoa, bảng phụ, bảng nhóm, Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam, Ca dao, dân ca Việt Nam

- HS: Vở viết, SGK , bút dạ, bảng nhóm.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS thi đọc doạn văn đã thay thế từ ngữ lặp lại BT 2 SGK  - GV dẫn dắt, giới thiệu bài | - HS thi đọc |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành: (32 phút)** | |
| Bài 1: Cho HS đọc đề .  - Cho HS thảo luận  - Gọi HS trình bày  *+ GV nêu nghĩa của 1câu tục ngữ trên và yêu cầu HS ghi lại ý nghĩa của câu tục ngữ*  Bài 2: Cho HS đọc đề .  - Tổ chức cho HS chơi trò chơi “Giải ô chữ”  - Mỗi HS xung phong chọn một câu ca dao hoặc câu thơ  + Đọc câu ca dao hoặc câu thơ  **+** Tìm chữ còn thiếu và ghi vào ô chữ  **+** Trả lời đúng một từ hàng ngang được nhận một tràng pháo tay  **+** Trả lời đúng ô hình chữ S là người đạt giải cao nhất.  - GV nhận xét đánh giá  **\*Củng cố, dặn dò** **(2 phút)**  - Nêu những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam ?  - Yêu cầu HS về nhà học thuộc câu ca dao, tục ngữ và chuẩn bị bài sau.  - Sưu tầm thêm các câu ca dạo, tục ngữ thuộc chủ đề trên.  - GV nhận xét tiết học. | - Đọc đề  - Xác định yêu cầu  - Thảo luận nhóm 2  a) Yêu nước:  - Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh.  - Con ơi, con ngủ cho lành  Để mẹ gánh nước rửa bành con voi  Muốn coi lên núi mà coi  Coi bà Triệu Ẩu cưỡi voi đánh cồng.  b) Lao động cần cù:  - Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ.  - Có công mài sắt có ngày nên kim.  c) Đoàn kết:  - Khôn ngoan đối đáp người ngoài  Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.  - Bầu ơi thương lấy bí cùng  Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.  d) Nhân ái:  - Thương người như thể thương thân.  - Lá lành đùm lá rách.  - Máu chảy ruột mềm.  *+ HS ghi lại ý nghĩa của câu tục ngữ*  - Đọc đề  - Xác định yêu cầu  - HS chơi trò chơi  1/ Cầu kiều. 2/ Khác giống  3/ Núi ngồi 4/ Xe nghiêng  5/ Thương nhau 6/ Cá ươn  7/ Nhớ kẻ cho 8/ Nước còn  9/Lạch nào 10/ Vững như cây.  11/ Nhớ thương 12/ Thì nên  13/ Ăn gạo. 14/ Uốn cây  15/ Cơ đồ 16/ Nhà có nóc.  - Ô chữ hình chữ S : Uống nước nhớ nguồn  - HS nêu  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Kể chuyện:**

**KỂ CHUYỆN ĐƯỢC CHỨNG KIẾN HOẶC THAM GIA**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Tìm và kể được một câu chuyện có thật về truyền thống tôn sư trọng đạo của người Việt Nam hoặc một kỉ niệm với thầy giáo, cô giáo.

- Biết trao đổi với bạn về ý nghĩa câu chuyện.

**2. Phẩm chất, nămg lực:**

- Giáo dục truyền thống tôn sư trọng đạo cho HS.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Sách, báo, một số tranh ảnh về tình thầy trò.

- HS: Sách giáo khoa, vở viết...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Hộp quà bí mật" Kể một câu chuyện đã được nghe hoặc được đọc về truyền thống hiếu học hoặc truyền thống đoàn kết của dân tộc.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (10 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Hướng dẫn học sinh tìm hiểu yêu cầu của đề bài  - Giáo viên chép đề lên bảng.  - Gọi HS đọc yêu cầu của đề.  - Giáo viên hướng dẫn HS phân tích đề và gạch chân những từ ngữ quan trọng.  - Gọi HS đọc gợi ý trong SGK  **Hoạt động 2:** HDHS giới thiệu câu chuyện  - GV yêu cầu HS giới thiệu câu chuyện .  - Gọi HS nối tiếp nêu tên các câu chuyện định kể. | - 2 học sinh nối tiếp nhau đọc đề bài.  **Đề 1:** *Kể một câu chuyện mà em biết trong cuộc sống nói lên truyền thống tôn sư trọng đạo của người Việt Nam.*  **Đề 2:** *Kể một kỉ niệm về thầy giáo hoặc cô giáo của em, qua đó thể hiện lòng biết ơn của em với thầy cô.*  - 5 học sinh nối tiếp nhau đọc  - Nối tiếp trình bày tên câu chuyện mà em đã chuẩn bị :  - VD : + Em đến thăm cô giáo ốm .  + Em được thầy cô dẫn đi tham quan .  + Em được thầy cô khen thưởng khi đạt danh hiệu cuối năm . |
| **3. Hoạt động thực hành: HS kể chuyện và trao đổi ý nghĩa câu chuyện (22 phút)** | |
| - Yêu cầu HS kể chuyện theo nhóm.  - Tổ chức HS thi kể chuyện  - GV nhận xét, chọn HS kể hay nhất.  \*Giáo dục HS lòng kính yêu và quí trọng thầy cô  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút)**  - Tìm đọc thêm các câu chuyện khác có nội dung nêu trên  - Về nhà kể lại câu chuyện cho người thân nghe  - Nhận xét tiết học | - Kể theo nhóm đôi, trao đổi về ý nghĩa câu chuyện .  - Thi kể chuyện trước lớp .  - Nêu ý nghĩa câu chuyện  - Chọn bạn kể hay nhất.  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Lịch sử :**

**LỄ KÍ HIỆP ĐỊNH PA-RI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết ngày 27- 1 - 1973 Mĩ buộc phải kí Hiệp định Pa - ri chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

- Nắm được những điểm cơ bản của Hiệp định và ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri.

- Thuật lại được diễn biến kí kết hiệp định Pa-ri.

- HS năng khiếu: Biết lí do Mĩ phải kí Hiệp định Pa - ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam: thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc trong năm 1972.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục tinh thần yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hiểu biết cơ bản về Lịch sử, năng lực tìm tòi và khám phá Lịch sử (HĐ 1,2,)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Ảnh tư liệu, hình minh hoạ SGK.

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Hỏi nhanh, đáp đúng" : Tại sao Mĩ ném bom nhằm huỷ diệt Hà Nội*?(*Mỗi HS chỉ nêu một nguyên nhân)  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Vì sao Mĩ phải kí hiệp định Pa- ri? Khung cảnh lễ kí hiệp định Pa- ri (15’)  - Nêu nguyên nhân dẫn đến sự kéo dài của hội nghị Pa-ri?  - Tại sao vào thời điểm sau năm 1972, Mĩ phải kí hiệp định Pa- ri?  - Lễ kí hiệp định Pa-ri đ­ược diễn ra vào thời gian nào, ở đâu?  - Tr­ước kí hiệp định Pa- ri, ta đã có hiệp định nào, ở đâu, bao giờ?  **Hoạt động 2:** Nội dung cơ bản và ý nghĩa của hiệp định Pa- ri (15’)  - Hãy thuật lại diễn biến kí kết hiệp định Pa-ri  - Phân biệt cờ đỏ sao vàng với cờ nửa đỏ, nửa xanh giữa có ngôi sao vàng?  - Nêu ý nghĩa lịch sử của hiệp dịnh Pa-ri về Việt  Nam.  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - GV chốt lại nội dung bài học.  - Yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ.  - Nhận xét tiết học | - HS thảo luận nhóm, báo cáo trước lớp  - Sau những đòn bất ngờ, choáng váng trong tết Mậu thân 1968, Mĩ buộc phải th­ương lượng với hai đoàn đại biểu của ta. Như­ng với dã tâm tiếp tục xâm chiếm n­ước ta, Mĩ tìm cách trì hoãn, không chịu kí hiệp định. Cuộc đàm phán về chấm dứt chiến tranh Việt Nam kéo dài nhiều năm.  - Chỉ sau những thất bại nặng nề ở hai miền Bắc, Nam trong năm 1972, Mĩ mới buộc phải kí hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình.  - Đư­ợc diễn ra tại thủ đô Pa- ri, thủ đô nư­ớc Pháp vào ngày 27-1-1973.  - Tr­ước kí hiệp định Pa- ri ta đã có hiệp định Giơ - ne-vơ (Thuỵ Sĩ) Vào ngày 21-7-1974  - Nhóm trưởng điều khiển nhóm thảo luận  - Đại diện HS trong nhóm thuật lại trước lớp  - Cờ đỏ sao vàng : cờ Tổ quốc  - Cờ nửa đỏ, nửa xanh: cờ của Mặt trận dân tộc dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trong thời kì chống Mĩ cứu nước.  - Đế quốc Mĩ thừa nhận sự thất bại ở Miền Nam.  - Đánh dấu một thắng lợi lịch sử mang tính chiến l­ược: Đế quốc Mĩ phải rút quân khỏi Miền Nam Việt Nam.  - HS nghe  - 1-2 HS đọc |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học:**

**SỰ SINH SẢN CỦA ĐỘNG VẬT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết một số động vật đẻ trứng và đẻ con.

- Kể tên một số động vật đẻ trứng và đẻ con.

- Không yêu cầu tất cả HS vẽ hoặc sưu tầm tranh ảnh những con vật mà bạn thích. GVHD, động viên, khuyến khích để những em có khả năng, có điều kiện được vẽ, sưu tầm, triển lãm.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

-Giáo dục ý thức bảo vệ các loài động vật.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên (HĐ 1,2),vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người (Củng cố, dặn dò).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: S­ưu tầm tranh ảnh về động vật đẻ trứng và đẻ con

- HS : SGK, S­ưu tầm tranh ảnh về động vật đẻ trứng và đẻ con

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Chiếc hộ bí mật" với các câu hỏi:  + Chúng ta có thể trồng những cây con từ bộ phận nào của cây mẹ?  + Ở ngư­ời cũng nh­ư ở thực vật, quá trình sinh sản có sự thụ tinh. Vậy thế nào là sự thụ tinh?  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Thảo luận (10’)  - GV yêu cầu HS đọc mục Bạn cần biết trang 112 SGK  + Đa số động vật đư­ợc chia thành mấy nhóm?  + Đó là những giống nào?  + Tinh trùng hoặc trứng của động vật đ­ược sinh ra từ cơ quan nào? Cơ quan đó thuộc giống nào?  + Hiện t­ượng tinh trùng kết hợp với trứng gọi là gì?  + Nêu kết quả của sự thụ tinh. Hợp tử phát triển thành gì?  **Hoạt động 2:** Các cách sinh sản của động vật (12’)  + Động vật sinh sản bằng cách nào?  - GV chia lớp thành các nhóm  - GV yêu cầu các nhóm phân loại các con vật mà nhóm mình mang đến lớp, những con vật trong các hình SGK thành 2 nhóm: động vật đẻ trứng và động vật đẻ con  - Trình bày kết quả  - GV ghi nhanh lên bảng  **Hoạt động 3:** Người họa sĩ tí hon (8’)  - GV cho HS vẽ tranh theo đề tài về những con vật mà em yêu thích  - Gợi ý HS có thể vẽ tranh về:  + Con vật đẻ trứng  + Con vật đẻ con…  - Trình bày sản phẩm  - GV nhận xét chung  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - GV chốt lại nội dung bài học  - Nêu vai trò của sự sinh sản của động vật đối với con người?  - Nhận xét tiết học | - HS đọc thầm trong SGK, thảo luận nhóm  + Đa số động vật đ­ược chia thành 2 giống.  + Giống đực và giống cái.  + Con đực có cơ quan sinh dục đực tạo ra tinh trùng. Con cái có cơ quan sinh dục cái tạo ra trứng.  + Hiện t­ượng tinh trùng kết hợp với trứng tạo thành hợp tử gọi là sự thụ tinh.  + Hợp tử phân chia nhiều lần và phát triển thành cơ thể mới, mang những đặc tính của bố và mẹ.  + Động vật sinh sản bằng cách đẻ trứng hoặc đẻ con.  - Các nhóm thảo luận theo sự hướng dẫn của GV  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình  \* Ví dụ:   |  |  | | --- | --- | | Tên con vật đẻ trứng | Tên con vật đẻ con | | Gà, chim, rắn, cá sấu, vịt, rùa, cá vàng, sâu, ngỗng, đà điểu,… | Chuột, cá heo, cá voi, khỉ, dơi, voi, hổ, báo, ngựa, lợn, chó, mèo, … |   - HS thực hành vẽ tranh  - HS lên trình bày sản phẩm  - Cử ban giám khảo chấm điểm cho những HS vẽ đẹp  - Sinh sản giúp cho động vật duy trì và phát triển nòi giống. Đóng vai trò lớn về mặt sinh thái học, cung cấp thực phẩm cho con người |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Hoạt động tập thể:**

**CHỦ ĐIỂM: YÊU QUÝ MẸ VÀ CÔ GIÁO**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**

- Nắm được ý nghĩa và sự thành lập ngày 26/3.

- Biết cách thể hiện tình cảm của mình đối với mẹ và cô giáo.

- Rèn cho các em biết quan tâm, yêu thương mẹ và cô giáo.

**2. Phẩm chất, năng lực**

- Yêu thương và tự hào về mẹ của mình.

- Năng lực hợp tác và giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Tài liệu tranh ảnh của mẹ HS.

- HS: Vở ghi chép

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho học sinh hát bài hát.  - GV dẫn dắt vào chủ điểm. | - HS tham gia hát.  - HS lắng nghe. |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| ***Hoạt động 1:*** *Tìm hiểu về tổ chức Đoàn TNCS HCM*  - GV giới thiệu về tổ chức Đoàn TNCS HCM  + Thành lập ngày 26/3/1931  + Cánh tay đắc lực của Đảng  + Lực lượng tiên phong trong mọi mặt trận. Đặc biệt là trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc.  ***Hoạt động 2:*** *Sinh hoạt văn nghệ*  - GV hướng dẫn học sinh múa hát theo chủ điểm  - GV nhận xét  - GV tuyên dương  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút)**  - GV cùng HS hệ thống tiết học  - Nhận xét tiết học. | - HS lắng nghe.  - 1 HS dẫn chương trình  - HS lần lượt biểu diễn  - HS bình chọn tiết mục hay nhât  - HS nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.....................................................................................................................................................

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tập làm văn:**

**ÔN TẬP VỀ TẢ CÂY CỐI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết được trình tự tả, tìm được các hình ảnh so sánh, nhân hoá tác giả đã sử dụng để tả cây chuối trong bài văn.

- Viết được một đoạn văn ngắn tả một bộ phận của một cây quen thuộc.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu thích môn học

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ (BT 1,2).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng phụ, Tranh, ảnh hoặc vật thật

- HS : Sách + vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Bắn tên" nêu tên các loại cây mà em biết (Mỗi HS chỉ nêu tên một loại cây)  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS mở vở |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành: (30 phút)** | |
| Bài 1:  - Yêu cầu HS đọc đề và bài văn tả "cây chuối mẹ " SGK ?  a/ Cây chuối trong bài được tả theo trình tự nào ?  - Em còn tả cây cối theo trình tự nào nữa ?  b/ Cây chuối được tả theo cảm nhận của giác quan nào ?  - Em còn có thể quan sát cây cối bằng những giác quan nào nữa ?  c/ Tìm các hình ảnh so sánh , nhân hóa có trong bài văn ?  \* GD HS biết chăm sóc cây  Bài 2 : Cho HS đọc đề, nêu yêu cầu  - GV lưu ý cho HS: chỉ viết một đoạn văn ngắn, chọn tả một bộ phận của cây: lá hoặc hoa, quả, rễ, thân.  - Yêu cầu HS giới thiệu về bộ phậncủa cây mình định tả.  - Muốn viết được đoạn văn hay cần lưu ý điều gì?  - Giáo viên giới thiệu tranh, ảnh hoặc vật thật.  - GV yêu cầu HS làm bài.  - Cho HS trình bày  - GV nhận xét .  **\* Củng cố, dặn dò** **(2 phút)**  - Chia sẻ với mọi người cấu tạo của bài văn tả cây cối.  - Yêu cầu HS về nhà hoàn chỉnh lại đoạn văn tả một bộ phận của cây, viết lại vào vở; chuẩn bị viết bài văn tả cây cối trong tiết học tới.  - Nhận xét tiết học | - Đọc, nêu yêu cầu đề  - Thảo luận nhóm 4  - Từng thời kì phát triển của cây: cây chuối con – cây chuối to – cây chuối mẹ  - Tả từ bao quát đến chi tiết từng bộ phận  - Thị giác: thấy hình dáng của cây, lá, hoa,…  - Khứu giác , thính giác , xúc giác, vị giác    - Các hình ảnh so sánh :  + Tàu lá nhỏ xanh lơ như lưỡi mác đâm thẳng lên trời .  + Các tàu lá ngả như cái quạt lớn ….  - Các hình ảnh nhân hóa :  + Khi cây mẹ bận đơm hoa .....  + Khẽ khàng ngả hoa sang khoảng trống...  - Viết 1 đoạn văn ngắn tả 1 bộ phận của cây ( lá, hoặc hoa, quả, rễ, thân).  - HS nối tiếp nhau giới thiệu  - Phải có câu mở đoạn, kết đoạn, biết sử dụng các biện pháp nghệ thuật so sánh, nhân hóa để miêu tả.  - HS quan sát  - HS làm bài  - HS trình bày  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ tư ngày 22 tháng 03 năm 2023**

**Tập đọc:**

**ĐẤT NƯỚC**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Hiểu ý nghĩa: Niềm vui và tự hào về một đất nước tự do. (Trả lời được các câu hỏi trong SGK, thuộc lòng 3 khổ thơ cuối).

- Nhận biết và nêu được công dụng của biện pháp điệp từ, điệp ngữ. (CV 3799)

- Biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng ca ngợi, tự hào.

- Ghi lại được nội dung chính của bài. (CV 3799)

- HSNK thuộc lòng cả bài.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục học sinh tình yêu quê hương đất nước.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ (HĐ 1,2,3,4).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Tranh minh hoạ SGK

- HS: Sách giáo khoa

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Bắn tên"đọc 1 đoạn trong bài ***Tranh làng Hồ*** và trả lời câu hỏi về nội dung của bài tậpđọc đó.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - Ghi bảng |
| **2. Hoạt động khám phá: (24 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Đọc văn bản (12’)  - Gọi HS đọc toàn bài, cả lớp đọc thầm bài thơ.  - Chia khổ: 5 khổ  - HD từ ngữ khó, câu khó  - HD giải nghĩa từ  - HS đọc theo cặp  - GV đọc diễn cảm toàn bài  **Hoạt động 2:** Tìm hiểu bài (12’)  Câu 1: Những ngày thu đẹp và buồn được tả trong khổ thơ nào ?  Câu 2: Nêu một hình ảnh đẹp và vui về mùa thu mới trong khổ thơ thứ ba.  - Tác giả đã sử dụng biện pháp gì để tả thiên nhiên, đất trời trong mùa thu thắng lợi của cuộc kháng chiến?  Câu 3: Nêu một, hai câu thơ nói lên lòng tự hào về đất nước tự do, về truyền thống bất khuất của dân tộc trong khổ thơ thứ tư và thứ năm ?  **+** Các điệp từ được sử dụng trong hai khổ thơ cuối muốn nhấn mạnh điều gì?  + Hai dòng thơ cuối muốn nhắc nhở chúng ta điều gì?  \* Nêu nội dung chính  - Cho HS ghi lại nội dung chính của bài. | - 1 HS đọc to, lớp theo dõi  - Đọc nối tiếp  - Luyện đọc từ ngữ khó: xao xác, ngoảnh lại, phấp phới, khuất, …  - Câu khó: “Khổ 1 và 2”  - Giải nghĩa từ : đất nước, hơi may, chưa bao giờ khuất .  - HS đọc theo cặp  - HS theo dõi  - Những ngày thu đẹp: sáng mát trong, gió thổi mùa thu hương cốm mới.  Buồn: sáng chớm lạnh,…ngoảnh lại.  - Đất nước trong mùa thu mới rất đẹp: rừng tre phấp phới,trời thu thay áo mới,….trời thu nói cười thiết tha.  - Tác giả sử dụng biện pháp nhân hoá –làm cho trời cũng thay áo cũng nói cười như con người- để thể hiện niềm vui phơi phới… thắng lợi của cuộc kháng chiến.  - Lòng tự hào về đất nước tự do được thể hiện qua những từ ngữ được lặp lại: Trời xanh đây, núi rừng đây, của chúng ta….Những hình ảnh: Những cánh đồng thơm mát…..  - Lòng tự hào về truyền thống bất khuất của dân tộc thể hiện qua những từ ngữ sau: Nước của những người chưa bao giờ khuất  Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất…  + Nhấn mạnh: Lòng tự hào về đất nước tự do và truyền thống bất khuất của dân tộc  - HS trả lời  \* Niềm vui và tự hào về một đất nước tự do.  - HS tự ghi lại nội dung chính của bài. |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành: (8 phút)** | |
| *LĐ HTL*  - HS đọc 3 khổ thơ cuối  - HS nhẩm học thuộc lòng 3 khổ thơ cuối**,** HSNK thuộc lòng cả bài  - Tổ chức thi đọc thuộc lòng.  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút )**  - Yêu cầu học sinh nhắc lại nội dung bài.  - Dặn HS về nhà học thuộc lòng bài thơ  - Nhận xét tiết học . | - HS đọc  - HS nhẩm học thuộc lòng  - Thi đọc thuộc lòng  - HS nêu.  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

###### ...........................................................................................................................................................

**Toán:**

**LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết tính quãng đường đi được của một chuyển động đều.

- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2.

- Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức vào làm các bài tập theo yêu cầu.

- HS năng khiếu làm BT3; 4.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Rèn tính cẩn thận, tỉ mỉ.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán. (Bài 1,2)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng phụ, SGK.

- HS: Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Gọi thuyền" với các câu hỏi về tính quãng đường khi biết vận tốc và thời gian. Ví dụ:  + v = 5km; t = 2 giờ  + v = 45km; t= 4 giờ  + v= 50km; t = 2,5 giờ  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành: (30 phút)** | |
| **Bài 1: HĐ cặp đôi**  - Gọi HS đọc yêu cầu, cặp đôi thảo luận theo câu hỏi, làm bài và chia sẻ  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS làm bài  - Giáo viên lưu ý học sinh đổi đơn vị đo ở cột 3 trước khi tính  - GV nhận xét, kết luận  **Bài 2: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc đề bài  - Yêu cầu HS tóm tắt bài toán chia sẻ cách làm  + Để tính được độ dài quãng đường AB chúng ta phải biết những gì?  - Yêu cầu HS làm bài.  - GV nhận xét chữa bài  **Bài 3: HSNK**  Đáp số: 2 km  **Bài 4: HSNK**  Đáp số: 1050 m | - Học sinh đọc yêu cầu bài tập.  - Tính quãng đường với đơn vị là km rồi viết vào ô trống.  - Học sinh làm vở, 1 HS lên bảng làm, chia sẻ kết quả  - Với v = 32,5 km/giờ; t = 4 giờ thì  S = 32,5 x 4 = 130 (km)  - Đổi: 36 km/giờ = 0,6 km  Hoặc 40 phút =  giờ  - Học sinh đọc  - HS tóm tắt bài toán, chia sẻ cách làm  - Để tính được độ dài quãng đường AB chúng ta phải biết thời gian ô tô đi từ A đến B và vận tốc của ô tô.  - Học sinh làm vở, 1 HS lên bảng làm, chia sẻ kết quả.  Bài giải  Thời gian người đó đi từ A đến B là:  12 giờ 15 phút – 7 giờ 30 phút = 4 giờ 45 phút  Đổi 4 giờ 45 phút = 4,75 giờ  Quãng đường AB dài là:  4,75 x 46 = 218,5 km  Đáp số: 218,5 km  **\* HSNK làm bài 3,4** |
| **3. Hoạt động vận dụng: (3 phút)** | |
| - Một con ngựa phi với vận tốc 35 km/giờ trong 12 phút. Tính độ dài con ngựa đã đi.  - Nêu lại cách tính quãng đường của một chuyển động?  - Nhận xét tiết học |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ năm ngày 23 tháng 03 năm 2023**

**Toán:**

**THỜI GIAN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

-Biết cách tính thời gian của một chuyển động đều.

- Bài tập cần làm: Bài 1 ( cột 1, 2 ), bài 2.

- Vận dụng cách tính thời gian của một chuyển động đều để giải các bài toán theo yêu cầu.

- HS năng khiếu BT3.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục học sinh yêu thích môn học. Tính nhanh nhẹn – trình bày khoa học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán (Bài 1,2).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bảng phụ

- HS: Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Bắn tên"để: Nêu cách tính vận tốc, quãng đ­ường.  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2.Hoạt động khám phá: (15 phút)** | |
| ***\*Hình thành cách tính thời gian***  *a) Bài toán 1:*  - Gọi HS đọc đề toán, trình bày lời giải bài toán.  - GV theo dõi HS thực hiện.  + Để tính thời gian đi của ô tô ta làm cách nào?  - Yêu cầu HS nhắc lại cách tính thời gian.  - Cho HS viết công thức: **t = s : v**  *b) Bài toán2:*  - Cho HS thảo luận làm bài.  \* GV củng cố: v = s : t  s = v x t t = s : v  \* GV lưu ý, khi biết hai trong ba đại lượng: vận tốc, quãng đường, thời gian ta có thể tính đại lượng thứ ba. | **\* ( Nhóm 2 )**  - HS đọc yêu cầu đề toán và thảo luận giải  *+ Thời gian ôtô đi là:*  *170 :42,5=4 (giờ)*  *Đáp số:4giờ*  + Lấy quãng đường chia cho vận tốc của ô tô đi được.  - Nhắc lại cách thực hiện về tìm thời gian  - Viết công thức.  **\* ( Nhóm 2 )**  *- Thời gian đi của ca nô là:*  *42:36=7/6 (giờ)*  *7/6 giờ=1 giờ 10 phút*  *Đáp số:1 giờ 10 phút* |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành: (15 phút)** | |
| Bài 1(cột 1,2): HĐ cá nhân  - Yêu cầu HS đọc đề bài  - Bài tập yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu HS nêu lại cách tính thời gian  - Yêu cầu HS làm bài  - GV nhận xét, chốt lời giải đúng.  Bài 2: HĐ cá nhân  - HS đọc đề bài  - Yêu cầu HS tóm tắt từng phần của bài toán, chia sẻ cách làm  + Để tính được thời gian của người đi xe đạp chúng ta làm thế nào?  - Yêu cầu HS làm bài  - GV nhận xét, chốt lời giải đúng.  **Bài 3: Dành cho HSNK** | - HS đọc  - Yêu cầu tính thời gian  - HS nêu  - Cả lớp làm vào vở sau đó chia sẻ cách làm:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | s (km) | 35 | 10,35 | | v (km/h) | 14 | 4,6 | | t (giờ) | **2,5** | **2,25** |   **\* HSNK làm hết BT1**  - 1 HS đọc đề bài  - HS tóm tắt, chia sẻ cách làm  - Lấy quãng đường đi được chia cho vận tốc  - Cả lớp làm vào vở, 1 HS lên bảng làm, chia sẻ cách làm:  Bài giải  Thời gian đi của người đó là :  23,1 : 13,2 = 1,75 (giờ)  Đáp số : 1,75 giờ |
| **4. Hoạt động vận dụng: (3 phút)** | |
| - Một xe taxi đi được quãng đường dài 10,2 km với vận tốc 40,8 km/giờ. Tính thời gian taxi đi quãng đường đó?  - HS nêu lại cách tính thời gian  - Nhận xét tiết học |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

###### Luyện từ và câu:

**LIÊN KẾT CÁC CÂU TRONG BÀI BẰNG TỪ NGỮ NỐI**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Hiểu thế nào là liên kết câu bằng phép nối, tác dụng của phép nối.

- Hiểu và nhận biết được những từ ngữ dùng để nối các câu và bước đầu biết sử dụng các từ ngữ nối để liên kết câu, thực hiện được yêu cầu của các BT ở mục III. - BT1 chỉ tìm tữ ngữ nối ở 3 đoạn đầu hoặc 4 đoạn cuối.

**2. Phẩm chất, năng lực**:

- Cẩn thận, tỉ mỉ, yêu thích môn học.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ. (Bài 1,2)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Sách giáo khoa, bảng phụ , bảng nhóm

- HS: Vở viết, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Bắn tên" nêu lại các câu ca dao, tục ngữ, câu thơ trong BT2.  - GV nhận xét, đánh giá  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (17 phút)** | |
| Nhận xét 1:  - HS nhận biết được từ in đậm có tác dụng gì?  Nhận xét 2:  - HS tìm thêm các từ ngữ mà em biết có tác dụng nối giống như cụm từ vì vậy ở đoạn văn trên.  Ghi nhớ:  - Gọi 2,3 HS đọc nội dung ghi nhớ. | - Đọc đề  - Xác định yêu cầu - Nhóm 2.  + Từ **hoặc** có tác dụng nối từ em bé với từ chú mèo trong câu 1.  + Cụm từ **vì vậy** có tác dụng nối câu 1 với câu 2.  - Đọc đề  - Xác định yêu cầu - Nhóm 4  + Những từ ngữ có tác dụng nối: Tuy nhiên, mặc dù, nhưng, thậm chí, cuối cùng, ngoài ra, mặt khác, …  - HS đọc ghi nhớ |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành: (15 phút)** | |
| Bài 1: Cho HS đọc đề  - Nêu yêu cầu đề .  - Cho HS làm bài  Bài 2: Cho HS đọc đề  - Nêu yêu cầu đề .  - Yêu cầu HS tự làm bài.  - Gọi HS nêu từ dùng sai và từ thay thế.  - GV nhận xét chữa bài  **\* Củng cố, dặn dò (2 phút)**  - Chia sẻ với mọi người về cách sử dụng các từ ngữ nối để liên kết câu  - Về nhà viết 1 đoạn văn ngắn từ 5-7 câu có sử dụng các từ ngữ nối để liên kết câu.  - Nhận xét tiết học | - Đọc đề  - Tìm từ ngữ có tác dụng nối  - Thảo luận nhóm đôi  + Đoạn 1: ***Nhưng*** nối câu 3 với câu 2.  + Đoạn 2: - ***Vì thế*** nối câu 4 với câu 3, nối đoạn 2 với đoạn 1  - ***Rồi*** nối câu 5 với câu 4  + Đoạn 3: - ***Nhưng*** nối câu 6 với câu 5, nối đoạn 3 với đoạn 2  - ***Rồi*** nối câu 7 với câu 6.  **+** Đoạn 4 : từ ***đến*** ( ở câu 8 ) nối đoạn 4 với đoạn 3.  **+** Đoạn 5 : từ ***đến*** nối câu 11 vớicâu 9,10;  ***sang đến*** nối câu 12 với các câu 9, 10, 11.  **+** Đoạn 6: ***mãi đến*** nối câu 14 với câu 13.  **+** Đoạn 7 : ***đến khi*** (ở câu 15) nối câu 15 với câu 16, nối đoạn 7 với đoạn 6.  ***Rồi*** nối câu 16 với câu 15.  - Đọc đề  - Chữa lại chỗ dùng sai từ để nối  - HS làm bài cá nhân  - Từ nối dùng sai: Nhưng : Thay từ nhưng bằng: **Vậy** ( vậy thì, nếu vậy thì, thế thì, nếu thế thì).  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Địa lí:**

**CHÂU MĨ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Mô tả sơ lược được vị trí và giới hạn của lãnh thổ châu Mĩ: nằm ở bán cầu Tây, bao gồm Bắc Mĩ, Trung Mĩ và Nam Mĩ.

- Nêu được một số đặc điểm về địa hình, khí hậu của châu Mĩ.

- Sử dụng quả địa cầu, bản đồ, lược đồ nhận biết vị trí, giới hạn lãnh thổ châu Mĩ.

- Chỉ và đọc tên một số dãy núi, cao nguyên, sông và đồng bằng lớn của châu Mĩ trên bản đồ, lược đồ.

- HSNK: + Giải thích nguyên nhân châu Mỹ có nhiều đới khí hậu: Lãnh thổ kéo dài từ phần cực Bắc tới cực Nam.

+ Dựa vào lược đồ trống ghi tên các đại dương giáp với châu Mĩ.

+ Quan sát bản đồ (lược đồ) nêu được: khí hậu ôn đới ở bắc Mĩ và khí hậu nhiệt đới ẩm của Nam Mĩ chiếm diện tích lớn nhất ở châu Mĩ

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu thích môn học.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực hiểu biết cơ bản về Địa lí, năng lực tìm tòi và khám phá Địa lí (HĐ 1,2,3).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Quả địa cầu; tranh, ảnh về rừng A- ma- dôn

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Truyền điện": nêu đặc điểm dân c­ư và kinh tế châu Phi (Mỗi HS chỉ nêu 1 ý)  - GV nhận xét, đánh giá.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Vị trí địa lý và giới hạn (10’)  - GV chỉ trên quả địa cầu đư­ờng phân chia hai bán cầu Đông - Tây  - Quan sát quả địa cầu và cho biết: Những châu lục nào nằm ở bán cầu Đông và châu lục nào nằm ở bán cầu Tây?  + Châu Mĩ nằm ở bán cầu nào?  + Quan sát H1 và cho biết châu Mĩ giáp với những đại d­ương nào?  + Dựa vào bảng số liệu ở bài 17, cho biết châu Mĩ có diện tích là bao nhiêu và đứng thứ mấy về diện tích trong số các châu lục trên thế giới?  - GVKL: Châu Mĩ là châu lục duy nhất nằm ở bán cầu Tây, bao gồm: Bắc Mĩ, Trung Mĩ, Nam Mĩ. Châu Mĩ có diện tích đứng thứ hai trong các châu lục trên thế giới.  **Hoạt động 2:** Đặc điểm tự nhiên (10’)  - GV chia lớp thành các nhóm  + Quan sát H2 rồi tìm các chữ a, b, c, d, đ, e và cho biết các ảnh đó chụp ở Bắc Mĩ, Trung Mĩ hay Nam Mĩ?  - Trình bày kết quả  - GV nhận xét  **Hoạt động 3:** Làm việc cả lớp (10’)  + Châu Mĩ có những đới khí hậu nào?  + Tại sao châu Mĩ lại có nhiều đới khí hậu?  + Nêu tác dụng của rừng rậm A- ma- dôn?  - Quan sát bản đồ nêu được: khí hậu ôn đới ở Bắc Mĩ và khí hậu nhiệt đới ẩm của Nam Mĩ chiếm diện tích lớn nhất ở châu Mĩ  - GVKL: Châu Mĩ có vị trí trải dài trên 2 bán cầu Bắc và Nam, vì thế Châu Mĩ có đủ các đới khí hậu từ nhiệt đới, ôn đới, đến hàn đới. Rừng rậm A- ma- dôn là vùng rừng rậm nhiệt đới lớn nhất thế giới  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Yêu cầu HS đọc phần ghi nhớ  - Nhận xét tiết học | - HS quan sát tìm nhanh, ranh giới giữa bán cầu Đông và bán cầu Tây  + Nằm ở bán cầu Tây  + Phía đông giáp Đại Tây Dương, phía Bắc giáp Bắc Băng Dương, phía tây giáp Thái Bình Dương.  + Có diện tích là 42 triệu km2, đứng thứ 2 trên thế giới.  - HS lắng nghe  - Các nhóm quan sát H1, 2 và làm bài.  - Đại diện các nhóm chia sẻ trư­ớc lớp  - HS khác bổ sung  Đáp án:  *a*. Núi An- đét ở phía tây của Nam Mĩ.  *b.* Đồng bằng trung tâm (Hoa Kì) nằm ở Bắc Mĩ.  *c.* Thác A- ga- ra nằm ở Bắc Mĩ.  *d.* Sông A- ma- dôn(Bra- xin)ở Nam Mĩ.  + Hàn đới, ôn đới, nhiệt đới.  + Vì châu Mĩ có vị trí trải dài trên 2 bán cầu Bắc và Nam.  + Làm trong lành và dịu mát khí hậu nhiệt đới của Nam Mĩ, điều tiết nước sông…  - 1-2 HS đọc |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Khoa học:**

**SỰ SINH SẢN CỦA CÔN TRÙNG**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng**:

- Viết sơ đồ chu trình sinh sản của côn trùng.

- Vận dụng những hiểu biết về quá trình phát triển của côn trùng để có biện pháp tiêu diệt những côn trùng có hại đối với cây cối, hoa màu và đối với sức khoẻ con ng­ười.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

-Giáo dục ý thưc bảo vệ môi trường.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực nhận thức thế giới tự nhiên, tìm tòi, khám phá thế giới tự nhiên (HĐ 1,2), vận dụng kiến thức vào thực tiễn và ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người (HĐ 1).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Hình vẽ trang 114, 115 SGK

- HS : SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Chiếc hộp bí mật" với các câu hỏi:  + Mô tả tóm tắt sự thụ tinh của động vật?  + Ở động vật thông th­ường có những kiểu sinh sản nào?  - GV nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi trò chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Làm việc với SGK (15’)  - GV cho HS thảo luận theo nhóm bàn  - Cho các nhóm thảo luận câu hỏi:  + B­ướm thư­ờng đẻ trứng vào mặt trên hay mặt d­ưới của lá rau cải?  + Ở giai đoạn nào trong quá trình phát triển, b­ướm cải gây thiệt hại nhất?  + Trong trồng trọt có thể làm gì để giảm thiệt hại do côn trùng gây ra đối với cây cối, hoa màu?  - GV kết luận.  **Hoạt động 2:** Quan sát và thảo luận (15’)  - GV cho HS thảo luận theo cặp  + Gián sinh sản như thế nào?  + Ruồi sinh sản như thế nào?  + Chu trình sinh sản của ruồi và gián có gì giống và khác nhau?  + Ruồi thường đẻ trứng ở đâu?  + Gián thường đẻ trứng ở đâu?  + Bạn có nhận xét gì về sự sinh sản của côn trùng?  - GV kết luận.  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - HS vẽ hoặc viết sơ đồ vòng đời của một loại côn trùng vào vở.  - Nhận xét tiết học | - Các nhóm quan sát hình 1, 2, 3, 4, 5  - Các nhóm bào cáo:  + Bư­ớm cải th­ường đẻ trứng vào mặt dư­ới của lá rau cải.  + Ở giai đoạn sâu, bướm cải gây thiệt hại nhất, sâu ăn lá rau nhiều nhất.  + Để giảm thiệt hại cho hoa màu do côn trùng gây ra, trong trồng trọt ngư­ời ta thường áp dụng các biện pháp: bắt sâu, phun thuốc, diệt bư­ớm...­  - Các nhóm quan sát hình 6, 7 SGK và thảo luận, báo cáo kết quả  + Gián đẻ trứng. Trứng gián nở thành gián con.  + Ruồi đẻ trứng. Trứng ruồi nở ra dòi hay còn gọi là ấu trùng. Dòi hóa nhộng, nhộng nở thành ruồi con.  + Giống nhau: Cùng đẻ trứng  + Khác nhau: Trứng gián nở ra gián con. Trứng ruồi nở ra dòi. Dòi hóa nhộng, nhộng nở thành ruồi con.  + Ruồi đẻ trứng ở nơi có phân, rác thải, xác chết động vật…  + Gián thường đẻ trứng ở xó bếp, ngăn kéo, tủ bếp, tủ quần áo…  + Tất cả các côn trùng đều đẻ trứng.  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Tập làm văn:**

**TẢ CÂY CỐI (*Kiểm tra viết*)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

-Nắm được cấu tạo bài văn tả cây cối.

- Viết được một bài văn tả cây cối đủ ba phần (mở bài, thân bài, kết bài), đúng yêu cầu đề bài; dùng từ, đặt câu đúng, diễn đạt rõ ý.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Yêu thích viết văn miêu tả cây cối.

- Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực văn học, năng lực ngôn ngữ, năng lực thẩm mĩ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Một số tranh ảnh minh hoạ nội dung đề văn.

- HS : SGK, vở viết

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Hộp quà bí mật" đọc một đoạn văn ngắn tả một bộ phận của cây ( lá, hoa, quả, rễ, thân).  - GV nhận xét, đánh giá  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS nghe  - HS nghe  - HS mở vở |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành: (32 phút)** | |
| **a. Hướng dẫn tìm hiểu đề**  - Yêu cầu HS đọc 5 đề bài SGk, nêu yêu cầu của từng đề và nêu đề mà em tự chọn.  **b. Thực hành**  - Cho HS làm bài  - Thu bài  **\* Củng cố, dặn dò** **(2 phút)**  - Nhận xét chung về ý thức làm bài của HS.  - Về nhà chọn một loài cây khác để tả cho hay hơn. | - HS đọc 5 đề bài:  1. Tả một loài hoa mà em thích.  2. Tả một loại trái cây mà em thích.  3. Tả một giàn cây leo.  4. Tả một cây non mới trồng.  5. Tả một cây cổ thụ.  - Nêu yêu cầu của từng đề bài  - Một số HS giới thiệu đề định tả  - Làm bài vào vở  - Nộp bài  - HS nghe  - HS nghe và thực hiện. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

............................................................................................................................................................

**Kĩ thuật:**

**LẮP MÁY BAY TRỰC THĂNG (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Chọn đúng và đủ số lượng các chi tiết để lắp máy bay trực thăng.

- Biết cách lắp và lắp được máy bay trực thăng theo mẫu. Máy bay lắp tương đối chắc chắn.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Giáo dục học sinh tính cẩn thận, tỉ mỉ.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Mẫu máy bay trực thăng đã lắp sẵn.

- HS: Bộ lắp ghép mô hình kỹ thuật.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS hát  - Kiểm tra việc chuẩn bị đồ dùng của HS.  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS hát  - HS chuẩn bị đồ dùng  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| **Hoạt động 1:** Quan sát, nhận xét mẫu (15’)  - GV cho HS quan sát mẫu máy bay trực thăng đã lắp sẵn và đặt câu hỏi:  + Để lắp được máy bay trực thăng, theo em cần phải lắp mấy bộ phận? Hãy kể tên các bộ phận đó?  **Hoạt động 2:** Hướng dẫn thao tác kĩ thuật (15’)  **a) Chọn các chi tiết:**  - Yêu cầu HS đọc nội dung mục 1 (SGK).  - Gọi 1 HS đọc tên các chi tiết theo bảng trong SGK.  - Cả lớp và GV nhận xét, bổ sung.  **b) Lắp từng bộ phận:**  ***\* Lắp thân và đuôi máy bay***(H. 2-SGK)  - Để lắp được thân đuôi máy bay cần phải chọn những chi tiết nào và số lượng bao nhiêu?  - GV hướng dẫn lắp thân và đuôi máy bay.  ***\*Lắp sàn ca bin và giá đỡ*** (H. 3-SGK)  - Để lắp được sàn ca bin và giá đỡ cần phải chọn những chi tiết nào và số lượng bao nhiêu?  - HS lên bảng trả lời câu hỏi và thực hiện lắp.  ***\*Các phần khác thực hiện tương tự.***  **c) Lắp ráp máy bay trực thăng:**  - Gv hướng dẫn lắp ráp máy bay trực thăng theo các bước trong SGK.  - GV nhắc nhở HS.  **d) Tháo các chi tiết, xếp gọn gàng vào hộp**  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Tìm hiểu tác dụng của máy bay trực thăng trong thực tế  - Nhận xét tiết học | - HS quan sát  + Cần lắp 5 bộ phận: thân và đuôi máy bay; sàn ca bin và giá đỡ; ca bin; cánh quạt; càng máy bay.  - 1 HS đọc nội dung mục 1 (SGK).  - HS quan sát mẫu, trả lời.  - HS quan sát mẫu, trả lời.  - HS thực hành lắp ráp các bộ phận.  - HS tháo các chi tiết và xếp đúng vào vị trí các ngăn trong hộp.  - HS trả lời |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

.....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Thứ sáu ngày 24 tháng 03 năm 2023**

**Hoạt động tập thể:**

**SINH HOẠT LỚP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng :**

- Sơ kết các hoạt động tuần qua.

- Triển khai phương hướng tuần tới.

- Giúp học sinh có ý kiến, tự tin phát biểu ý kiến trước tập thể.

- Có ý thức khắc phục nhược điểm và phát huy những ưu điểm.

**2. Phẩm chất, năng lực :**

-Giáo dục tinh thần làm chủ tập thể

-Có ý thức trách nhiệm với việc mình làm, rút kinh nghiệm để tiến bộ hơn.

- Năng lực làm chủ tập thể .

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Nắm được ưu – khuyết điểm của HS trong tuần.

- HS: Chủ tịch Hội đồng tự quản và các Trưởng ban chuẩn bị nội dung. Kế hoạch tuần đến.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (3 phút)**  -HS hát tập thể 1 bài hát.  - GV nhận xét .  - GV dẫn dắt vào bài- giới thiệu bài .  **2. Hoạt động luyện tập thực hành: (33 phút)**  **Hoạt động 1 : *Đánh giá hoạt động tuần qua***  - GV nhận xét, kết luận.  - GV tuyên dương.  **Hoạt động 2 : *Kế hoạch tuần đến***  - Yêu cầu lớp thảo luận nhóm lớn trong thời gian 2 phút.  **\* Củng cố, dặn dò (1 phút)**  - Nhận xét tiết học | - Cả lớp hát.  - CTHĐTQ điều hành việc đánh giá sơ kết hoạt động tuần qua.  - Lần lượt từng trưởng ban đánh giá ưu điểm và tồn tại trong tuần qua  - Các ban thảo luận nhóm lớn tìm ra những giải pháp khắc phục những mặt tồn tại .  - Chủ tịch HĐTQ nhận xét chung các ban.  - CTHĐTQ điều hành việc đánh giá sơ kết hoạt động tuần qua.  - HS lắng nghe.  **CTHĐTQ triển khai kế hoạch tuần đến.**  ***+ Học tập***: - Nâng cao tinh thần tự giác trong học tập và rèn luyện  - Chuẩn bị sách vở và dụng cụ học tập đầy đủ  - Trong giờ học tham gia phát biểu xây dựng bài, không nói chuyện riêng  ***+ Lao động- kỉ luật:***  - Thực hiện nghiêm túc các nề nếp của lớp, của trường.  - Giữ vệ sinh chung cũng như vệ sinh cá nhân góp phần phòng chống dịch bệnh  - Thực hiện tốt nội quy trường lớp  ***+ Thư viện:*** - Tích cực tham gia đọc sách, báo, truyện  ***+ Văn thể mỹ:***  - Thực hiện tiếng hát đầu giờ, giữa giờ, cuối giờ  - Tham gia đầy đủ các phong trào của trường.  - HS thảo luận nhóm lớn.  - HS trình bày ý kiến |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Đạo đức:**

**BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

- Biết vì sao cần phải bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

- Biết giữ gìn, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên phù hợp với khả năng.

- Kể đ­ược một vài tài nguyên thiên nhiên ở n­ước ta và ở địa ph­ương.

- **GDPTTNBM,VN:** Không đồng tình với những hành vi gây ô nhiễm môi trường bao gồm việc sử dụng chất nổ để đánh cá hoặc khai thác đá; nhắc nhở người thân, bạn bè bảo vệ môi trường sống.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Đồng tình, ủng hộ những hành vi, việc làm để giữ gìn, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

- Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực thẩm mĩ, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: + Tranh ảnh các hoạt động bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

+ Thông tin tham khảo phục lục trang 71.

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Bắn tên" : nêu xem nên làm gì để bảo vệ hoà bình?  - Gv nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động khám phá: (30 phút)** | |
| ***Hoạt động 1:*** *Tìm hiểu thông tin trong SGK*  + Nêu tên một số tài nguyên thiên nhiên.  + Ích lợi của tài nguyên thiên nhiên trong cuộc sống của con ngư­ời là gì?  + Hiện nay việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên ở n­ước ta đã hợp lý ch­ưa? vì sao?  + Nêu một số biện pháp bảo vệ tài nguyên thiên nhiên  + Tài nguyên thiên nhiên có quan trọng trong cuộc sống hay không?  + Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên để làm gì?  - GV kết hợp GDMT: Cho HS nêu tài nguyên thiên ở địa ph­ương và cách tham gia giữ gìn và bảo vệ phù hợp với khả năng của các em.  - Chúng ta có đồng tình với những hành vi gây ô  nhiễm môi trường bao gồm việc sử dụng chất nổ  để đánh cá hoặc khai thác đá hay không?  ***\* GV kết luận :*** *Than đá, rừng cây, nước, dầu mỏ, giáo, ánh nắng mặt trời... là những tài nguyên thiên nhiên quý, cung cấp năng l­ượng phục vụ cho cuộc sống của con ng­ười. Các tài nguyên thiên nhiên trên chỉ có hạn, vì vậy cần phải khai thác chúng một cách hợp lí và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả vì lợi ích của tất cả mọi ngư­ời.*  - Gọi HS đọc phần ghi nhớ.  ***Hoạt động 2:*** *Làm bài tập trong SGK*  + Phát phiếu bài tập  ***Hoạt động 3 :*** *Bày tỏ thái độ của em BT3*  - Nêu các ý kiến về sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.  - GV đổi lại ý b & c trong SGK  **\* Củng cố, dặn dò (3 phút)**  - Nhắc nhở người thân, bạn bè bảo vệ môi trường sống.  - Nhận xét tiết học | - HS làm việc theo nhóm 4, Các nhóm đọc thông tin ở SGK và trả lời các câu hỏi sau:  + Tên một số tài nguyên thiên nhiên: mỏ quặng, nguồn n­ước ngầm, không khí, đất trồng, động thực vật quý hiếm  + Con ngư­ời sự dụng tài nguyên thiên nhiên trong sản xuất, phát triển kinh tế: chạy máy phát điện, cung cấp điện sinh hoạt, nuôi sống con ng­ời.  + Ch­ưa hợp lý, vì rừng đang bị chặt phá bừa bãi, cạn kiệt, nhiều động thực vật quý hiếm đang có nguy cơ bị tiệt chủng.  + Một số biện pháp bảo vệ: sử dụng tiết kiệm, hợp lý, bảo vệ nguồn n­ớc, không khí.  - Đại diện các nhóm trả lời các nhóm khác bổ sung, nhận xét.  + Tài nguyên thiên nhiên rất quan trọng trong cuộc sống.  + Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên để duy trì cuộc sống của con ng­ười.  - HS trả lời  - 2 , 3 HS đọc ghi nhớ trong SGK.  - HS đọc bài tập 1  - Nhóm thảo luận nhóm 2 về bài tập số 1  - Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác bổ sung.  - Các tài nguyên thiên nhiên là các ý : a, b, c, d, đ, e, g, h, l, m, n.  - HS thảo luận cặp đôi làm việc theo yêu cầu của GV để đạt kết quả sau  + Tán thành: ý 2,3.  + Không tán thành: ý 1  - HS nghe và thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Toán:**

**LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức, kĩ năng:**

-Biết cách tính thời gian của một chuyển động đều.

- Biết quan hệ giữa vận tốc, quãng đường, thời gian.

- Bài tập cần làm: Bài 1, bài 2, bài 3.

- Vận dụng kiến thức làm các bài tập có liên quan.

- HS năng khiếu làm BT 4.

**2. Phẩm chất, năng lực:**

- Rèn tính cẩn thận, tỉ mỉ

- Năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực tính toán (Bài 1,2,3).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, bảng phụ....

- HS : SGK, bảng con, vở...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌCCHỦ YẾU**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động:(5 phút)** | |
| - Cho HS chơi trò chơi "Truyền điện" nêu cách tính v,s,t.  - Gv nhận xét  - Giới thiệu bài - Ghi bảng | - HS chơi  - HS nghe  - HS ghi vở |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành: (30 phút)** | |
| **Bài 1: HĐ nhóm**  - Gọi HS đọc đề bài, thảo luận theo câu hỏi, chia sẻ kết quả:  - Bài tập yêu cầu làm gì ?  - Yêu cầu HS làm bài theo nhóm.  - Lưu ý: Mỗi trường hợp phải đổi ra cách gọi thời gian thông thư­ờng.  - GV nhận xét chữa bài    **Bài 2 : HĐ cặp đôi**  - Gọi HS đọc đề bài, thảo luận cặp đôi theo câu hỏi:  + Để tính được thời gian con ốc sên bò hết quãng đường 1,08 m ta làm thế nào?  + Vận tốc của ốc sên đang được tính theo đơn vị nào? Còn quãng đường ốc sên bò được tính theo đơn vị nào ?  - HS tự làm bài, chia sẻ cách làm  - GV nhận xét chữa bài  **Bài 3: HĐ cá nhân**  - Gọi HS đọc yêu cầu đề bài.  - Yêu cầu HS tự làm bài.  - GV giúp đỡ HS hạn chế trong quá trình giải bài toán này.  - GV cùng HS nhận xét, chữa bài.  **Bài 4: Dành cho HSNK** | - Viết số thích hợp vào ô trống  - Tính thời gian chuyển động  - HS làm bài theo nhóm, chia sẻ kết quả   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | s (km) | 261 | 78 | 165 | 96 | | v(km/giờ) | 60 | 39 | 27,5 | 40 | | t (giờ) | 4,35 | 2 | 6 | 2,4 |   - 1 HS đọc đề bài, thảo luận cặp đôi  - Ta lấy quãng đường đó chia cho vận tốc của ốc sên.  - Vận tốc của ốc sên đang được tính theo đơn vị là cm/phút. Còn quãng đường ốc sên bò được lại tính theo đơn vị mét.  - Đại diện HS làm trên bảng lớp, chia sẻ cách làm:  Giải  Đổi 1,08m = 108 cm  Thời gian con ốc bò đoạn đ­ường đó là :  108 : 12= 9 (phút)  Đáp số : 9 phút  - 1 HS đọc đề.  - Cả lớp làm bài vào vở, 1 HS làm trên bảng lớp, chia sẻ cách làm  Bài giải  Thời gian để con đại bàng bay hết quãng đường là :  72 : 96 = 3/4 (giờ)  3/4 giờ = 45 phút  Đáp số : 45 phút |
| **4. Hoạt động vận dụng: (3 phút)** | |
| - Một con Kăng - gu – ru có thể di chuyển với vận tốc 840 m/phút. Hỏi với quãng đường 1,26 km thì con kăng – gu – ru đó phải di chuyển trong thời gian bao lâu?  - Nêu công thức tính s, v, t?  - Nhận xét tiết học |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI HỌC**

...........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................